

2026



FROM

WellCare
of Kentucky

Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
			RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>BRIXADI (WEEKLY) SOSY</i>	3	
<i>BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML</i>	3	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>SUBLOCADE SOSY 100 MG/0.5ML</i>	3	QL(0.02 ML daily); 1 max fill(s) per 26 day(s) retail
<i>SUBLOCADE SOSY 300 MG/1.5ML</i>	3	QL(0.06 ML daily); 1 max fill(s) per 26 day(s) retail
<i>ZUBSOLV SUBL 0.71 MG-2.9 MG</i>	3	QL(3 EA daily)
<i>ZUBSOLV SUBL 0.18 MG-0.7 MG, 0.36 MG-1.4 MG, 1.4 MG-5.7 MG, 2.1 MG-8.6 MG, 2.9 MG-11.4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methylestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	C; QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	C; QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	C; QL(0.14 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	C; QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUIITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	C; QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	C
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	C; QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
QVAR REDHALER	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	C
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	C
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	C; QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	C; QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	C
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	C; QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	C; QL(18 ML daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	C; QL(12 ML daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	C
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	C; QL(0.5 GM daily)
SEREVENT DISKUS	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	C
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	C
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	C
TRELEGY ELLIPTA	2	C; QL(2 EA daily)
<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	C; QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	C; QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	C

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>theophylline TB24</i>	1B	C
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML</i>	4	SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate</i> 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
Anticonvulsants - Misc.			<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
EPIDIOLEX	3	PA	<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST
			<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
			<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN	2	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	D+/C
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	D/C
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	D+/C
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	D/C
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	D+/C
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	D/C
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	D/C
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	D+/C

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	D/C
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	D+; QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	D+; QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	D+; QL(3 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	D+; QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate 12.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>alogliptin benzoate 25 MG</i>	1B	
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	D
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	D
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	D
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	D
NOVOLIN N SUSP	2	D
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	D
NOVOLIN R SOLN IJ	2	D
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	D
NOVOLOG SOLN IJ	1B	D
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	D
TRESIBA SOLN	2	D
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
OPVEE NA	3	
VIVITROL	3	1 max fill(s) per 30 day(s) retail
ZIMHI SOSY	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
VARUBI (180 MG DOSE) TBPB	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
ANTI HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>ciproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>ciproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	D+
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	D+
<i>fosinopril sodium</i>	1B	D+
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	D+
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	D+
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	D+; QL(8 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	D+
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	D+
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl</i> SOLN	1B	
<i>hydralazine hcl</i> TABS	1B	D+
<i>minoxidil</i> 2.5 MG, 10 MG	1B	D+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole</i> TABS 250 MG, 500 MG	1B	
<i>pentamidine isethionate</i> IN	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim</i> TABS	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SOLN	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SUSP	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> TABS	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide</i> TABS	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium</i> IJ	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin</i> 500 MG	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl</i> CAPS	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl</i> SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate</i> SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ARZERRA	4	SP; PA
LOQTORZI	4	PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	SP; PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
ERBITUX	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
ORGOVYX	4	PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
<i>toremifene citrate</i>	1B		BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	SP; PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - Immunomodulators			IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	KYPROLIS	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA			
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA			
Antineoplastic Combinations					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	XOSPATA	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	NIPENT	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	UVADEX	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA	Mitotic Inhibitors		
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
			ETOPOPHOS	4	SP; PA
			<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
<i>paclitaxel</i> 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate</i> 10 MG/ML	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl</i> 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA
<i>topotecan hcl</i> SOLR	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate</i> TABS	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> SOLN	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> TABS	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl</i> CAPS	1B	
<i>amantadine hcl</i> SOLN	1B	
<i>amantadine hcl</i> TABS	1B	
<i>apomorphine hydrochloride</i> SOCT	4	PA
<i>bromocriptine mesylate</i> CAPS	1B	
<i>bromocriptine mesylate</i> TABS 2.5 MG	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TABS	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBCR	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBDP	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride</i> TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride</i> TABS 0.125 MG	1B	QL(4 EA daily)
<i>ropinirole hydrochloride</i> TABS	1B	
<i>ropinirole hydrochloride</i> TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride</i> TB24 8 MG, 12 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl</i> CAPS	1B	
<i>selegiline hcl</i> TABS	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate</i> CAPS	1B	
<i>lithium carbonate</i> TABS	1B	
<i>lithium carbonate</i> TBCR	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
CABENUVA	3		FUZEON SOLR	4	SP; PA
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST	GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3	QL(1 EA daily)	JULUCA	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
			NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
			NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
			PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
			PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
			PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
			PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
SYMTUZA	3	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY PD TBSO	3	
TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ PD TBSO	3	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days. ; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	D+
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	D+; QL(8 EA daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	D+
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	D+
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	D+
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	D+
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	D+
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN PO</i>	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	D+
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	D+
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	D+
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	D+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>ORENITRAM TBCR</i>	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl</i> TABS	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil</i> CAPS	1B	
<i>cefadroxil</i> SUSR	1B	
<i>cefadroxil</i> TABS	1B	
<i>cefazolin sodium</i> SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	1B	
<i>cephalexin</i> CAPS	1B	
<i>cephalexin</i> SUSR	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor</i> CAPS	1B	
<i>cefaclor</i> SUSR 250 MG/5ML	1B	
<i>cefotetan disodium</i> IJ 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefoxitin sodium</i> IV 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefprozil</i> SUSR	1B	
<i>cefprozil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime axetil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime sodium</i> IJ 750 MG	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir</i> CAPS	1B	
<i>cefdinir</i> SUSR	1B	
<i>cefixime</i> CAPS	1B	
<i>cefixime</i> SUSR	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil</i> SUSR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefpodoxime proxetil</i> TABS	1B	
<i>ceftazidime</i> IJ 1 GM, 6 GM	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl</i> SOLR IV 2 GM	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol</i> TABS	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0		OPILL	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		SLYND	0	QL(1 EA daily)
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		Glucocorticosteroids		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
TYBLUME CHEW	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
Combination Contraceptives - Transdermal			DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)	<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
Combination Contraceptives - Vaginal			<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
Emergency Contraceptives			<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
ELLA	0		MEDROL TABS	3	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
			<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPk</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate-homatropine methylbromide TABS</i>	3	PA
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
Burn Products		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SULFAMYLLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
			<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
			<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
			HALOG OINT	3	PA
			<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	D
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	D
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	D
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	D
KETONE TEST STRP	1B	D
KETOSTIX STRP	1B	D
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	D
PRECISION XTRA KETONE	1B	D
RELION KETONE TEST STRP	1B	D
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1A	
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUEICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
BIJUVA	3	PA
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sick Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>eszazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
CLENPIQ SOLN	0	
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	0	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	0	
PEG-PREP	0	
PLENVU	0	
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	0	
SUFLAVE	0	
SUTAB	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0	
KIMONO PS MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	
KIMONO SENSATION MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KIMONO MISC	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
MAXX PLUS MISC	0		TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
MAXX MISC	0		TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN BARESKIN DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0		Diabetic Supplies		
TRUE COVER DEVI	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	D; RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	D; RX/OTC
RELION LANCETS	1B	D; RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	D
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	D; QL(5 EA daily)
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 30 EA per 90 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
Phosphate			<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
Potassium			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		PROGRAF PACK	2	PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
Chelating Agents			SIMULECT	3	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA	<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
			Potassium Removing Agents		
			LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B		CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B		EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS			FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
Anesthetics Topical Oral			GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
Anti-infectives - Throat			MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>clotrimazole</i>	1B		MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Dental Products			NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
<i>XEOMIN</i>	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
<i>CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)</i>	3	
<i>CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)</i>	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>NATACYN</i>	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
<i>ZIRGAN GEL</i>	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>FML FORTE SUSP</i>	3	PA
<i>LOTEMAX OINT</i>	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAPT	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail)
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
Combination Psychotherapeutics			REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
Fibromyalgia Agents			<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA	<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy			<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	<i>pimozide</i>	1B	
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA	Smoking Deterrents		
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)	NICOTINE KIT	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)	NICOTROL NS SOLN	0	
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA	NICOTROL INHA	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO 0.5 ML	0	
CAPVAXIVE	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MENQUADFI 0.5 ML	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PENBRAYA	0	
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
AUDENZ EMUL	0	
AUDENZ PRSY	0	
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
COMIRNATY SUSP	0	
COMIRNATY SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
I POL IJ	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
JYNNEOS	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	ROTARIX SUSP	0	
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0		ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0		SPIKEVAX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX SUSY	0	
MRESVIA	0		TWINRIX SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		Spermicides		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	GYNAZOLE-1	3	QL(2.5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	42	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate TABS	29	ACTHAR GEL	42	adefovir dipivoxil	30
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	61	ADEMPAS	33
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	59
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	61
ABRYSVO	61	acyclovir SUSP	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 61	
acamprosate calcium	57	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	61
acarbose	14	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA SUSP	61
acebutolol hcl CAPS	31	acyclovir topical OINT	38	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	46
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	59	AIMOVIG	50
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	59	AIMSCO LUBRICATED MISC	48
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AKYNZEO	17
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		albendazole	8
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	2	albuterol sulfate AERS	10
acetazolamide CP12	41	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	2	albuterol sulfate NEBU	10
acetazolamide sodium	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	2	albuterol sulfate SYRP	10
acetazolamide TABS 125 MG	41	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albuterol sulfate TABS	10
acetazolamide TABS 250 MG	41	ADALIMUMAB-ADBAM (2 PEN) AJKT 3		alclometasone dipropionate CREA 38	
acetic acid (otic)	56	ADALIMUMAB-ADBAM (2 SYRINGE) PSKT	3	alclometasone dipropionate OINT .38	
acetic acid 0.25 %	45	ADALIMUMAB-ADBAM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	ALDURAZYME	43
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBAM(PS/UV STARTER) AJKT	3	ALECENSA	25
acitretin 10 MG, 17.5 MG	37	adapalene CREA	35	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
acitretin 25 MG	37	adapalene GEL	35	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	42
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3			alfuzosin hcl	45
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3			ALINIA SUSR	21
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3				
ACTEMRA SOSY	3				

aliskiren fumarate	21	amiloride hcl TABS	42	CP24 15 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	46	aminocaproic acid TABS	47	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	50	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	50	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
ALOCRIL	56	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
alogliptin benzoate 12.5 MG	15	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
alogliptin benzoate 25 MG	15	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	57
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	57
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	46
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
ALOMIDE	56	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
alosetron hcl	45	amoxapine	14	ANNOVERA	34
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 57		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 57		APIDRA SOLN	16
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate TABS 57		APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
alprazolam TBDP	8	amoxicillin & pot clavulanate TB12 57		apomorphine hydrochloride SOCT 27	
ALTABAX	36	amoxicillin CAPS	57	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 57		aprepitant CAPS 80 MG	17
alvimopan	45	amoxicillin TABS	57	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	57	APTIVUS CAPS	29
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	57	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	46
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin TABS	57	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	46
ambrisentan	32	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	60	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	46
amcinonide CREA	38	amphetamine-dextroamphetamine			
amcinonide OINT	38				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				
amiloride & hydrochlorothiazide ..	41				

ARCALYST	3	atovaquone-proguanil hcl	22	BAXDELA SOLR	44
AREXVY	61	atracurium besylate 50 MG/5ML ...	55	BAXDELA TABS	44
arformoterol tartrate	10	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	60	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN .	50
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BELSOMRA	47
aripiprazole SOLN PO	28	AUDENZ EMUL	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
aripiprazole TABS	28	AUDENZ PRSY	61	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
armodafinil	1	AURANOFIN 3 MG	3	benazepril hcl	19
ARMOUR THYROID TABS	59	AUSTEDO TABS	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	35
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	avanafil	32	BENZEPRO FOAM 5.3 %	35
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AVERI TABS PO	33	benzonatate 100 MG	35
ARZERRA	24	AVONEX PEN AJKT	58	benzonatate 150 MG	35
asenapine maleate 2.5 MG	28	AVONEX PREFILLED PSKT	58	benzonatate 200 MG	35
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	28	azacitidine SUSR	23	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	35
aspirin CHEW	5	AZATHIOPRINE SODIUM	52	benzoyl peroxide GEL 10 %	35
aspirin TABS 325 MG	5	azathioprine TABS	52	benzoyl peroxide GEL 5 %	35
aspirin TBEC 325 MG	5	azelaic acid GEL	40	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	35
aspirin TBEC 81 MG	5	azelastine hcl (ophth)	56	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	35
aspirin-dipyridamole	46	azelastine hcl	54	benztropine mesylate TABS	27
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azithromycin PACK	48	bepotastine besilate	56
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	29	azithromycin SUSR	48	betaine	43
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 250 MG	48	betamethasone dipropionate (topical) CREA	38
atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	48	betamethasone dipropionate (topical) LOTN	38
ATGAM	52	azithromycin TABS 600 MG	48	betamethasone dipropionate (topical) OINT	38
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	55	betamethasone dipropionate	
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	baclofen TABS	54		
atorvastatin calcium TABS	19	balsalazide disodium CAPS	44		
atovaquone	21	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) .	12		
		BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) .	12		

augmented CREA	38	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	bosentan TABS 125 MG	32	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	bosentan TABS 62.5 MG	32	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate CREA	39	bosentan TBSO 32 MG	32	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate FOAM ...	39	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl (smoking deterrent) 58	
betamethasone valerate LOTN	39	BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	10	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate OINT	39	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB12	13
BETASERON KIT	58	brimonidine tartrate (topical)	40	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	55	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 55		buspirone hcl 5 MG	8
betaxolol hcl	31	brimonidine tartrate-timolol maleate . 55		buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
bethanechol chloride 25 MG	61	brinzolamide	56	busulfan SOLN	23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	61	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	12	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bexarotene (topical)	37	BRIXADI (WEEKLY) SOSY	7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5
bexarotene	26	BRIXADI SOSY 64 MG/0.18ML, 96 MG/0.27ML, 128 MG/0.36ML	7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEXSERO 0.5 ML	61	bromfenac sodium (ophth)	56	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEYFORTUS	56	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
bicalutamide	24	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6
BIJUVA	43	budesonide (inhalation) SUSP	9	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5
BIKTARVY	29	budesonide (intrarectal)	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6
bimatoprost SOLN	56	budesonide (nasal)	54	butenafine hcl	36
bisacodyl SUPP	48	budesonide CPEP	34	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2	
bisacodyl TBEC	48	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10		
bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	42		
bisoprolol fumarate	31	bumetanide TABS	42		
bleomycin sulfate 15 UNIT	25	buprenorphine hcl SOLN	7		
BOOSTRIX SUSP	59	buprenorphine hcl SUBL	7		
BOOSTRIX SUSY	59				
bortezomib SOLR IJ	25				

MG/ML	7	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime CAPS	33
CABENUVA	29	carbamazepine SUSP	12	cefixime SUSR	33
cabergoline	43	carbamazepine TABS	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine TB12 100 MG, 400		cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
calcipotriene CREA	37	MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene OINT	37	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcipotriene SOLN	37	carbidopa	27	cefprozil SUSR	33
calcipotriene-betamethasone		carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	33
dipropionate OINT	39	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcipotriene-betamethasone		carbidopa-levodopa TBDP	27	cefuroxime axetil TABS	33
dipropionate SUSP	39	carbidopa-levodopa-entacapone .	27	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbinoxamine maleate SOLN	18	celecoxib	4
calcitriol (topical)	37	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	cephalexin CAPS	33
calcitriol CAPS	43	carisoprodol TABS	54	cephalexin SUSR	33
calcitriol SOLN IV	43	carmustine	23	CERDELGA	46
calcium acetate (phosphate binder)		carteolol hcl (ophth)	55	cetirizine hcl TABS	18
CAPS	45	carvedilol	31	cevimeline hcl	53
calcium acetate (phosphate binder)		carvedilol phosphate	31	CHEMET	17
TABS	45	CAYA DPRH	48	CHEMSTRIP K STRP	41
calcium chloride (dihydrate) SOLN	51	CAYSTON	22	chloramphenicol sodium succinate	21
calcium polycarbophil TABS	47	cefaclor CAPS	33	chlordiazepoxide hcl CAPS	8
candesartan cilexetil	19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	33	chlordiazepoxide hcl-clidinium	
candesartan cilexetil-		cefadroxil CAPS	33	bromide	60
hydrochlorothiazide	20	cefadroxil SUSR	33	chlordiazepoxide-amitriptyline	58
capecitabine	23	cefadroxil TABS	33	chlorhexidine gluconate (mouth-	
CAPRELSA	25	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10		throat)	53
captopril 12.5 MG	19	GM, 500 MG	33	chloroquine phosphate TABS 250	
captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefdinir CAPS	33	MG	22
CAPVAXIVE	61	cefdinir SUSR	33	chloroquine phosphate TABS 500	
carbamazepine CHEW 100 MG ...	12			MG	22
carbamazepine CP12 100 MG	12				

chlorpromazine hcl SOLN	28	ciprofloxacin-dexamethasone	56	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	36
chlorpromazine hcl TABS	28	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	56	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	36
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	42	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	23	clindamycin phosphate-tretinoin ..	36
chlorzoxazone TABS 500 MG	54	citalopram hydrobromide SOLN ...	14	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .	55
chlorzoxazone TABS 750 MG	54	citalopram hydrobromide TABS ...	14	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	55
cholecalciferol CAPS	64	clarithromycin SUSR	48	clobazam SUSP	11
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	64	clarithromycin TABS	48	clobazam TABS	11
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TB24	48	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	39
cholestyramine light POWD	18	CLASSIC PRENATAL TABS	53	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	39
cholestyramine PACK	18	clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate FOAM	39
cholestyramine POWD	19	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	clobetasol propionate GEL 0.05 %	39
choline fenofibrate	19	CLENPIQ SOLN	47	clobetasol propionate OINT 0.05 %	39
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 42		CLIMARA PRO	43		
ciclopirox GEL	36	clindamycin hcl	21	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	39
ciclopirox olamine CREA	36	clindamycin palmitate hydrochloride .	21	clocortolone pivalate	39
ciclopirox olamine SUSP	36	clindamycin phosphate (topical) FOAM	35	clofarabine	23
ciclopirox SHAM	36	clindamycin phosphate (topical) GEL	35	clomipramine hcl	14
ciclopirox SOLN	36			clonazepam TABS	11
cidofovir	30			clonidine hcl (adhd) TB12	1
cilostazol	46	clindamycin phosphate (topical) LOTN	35	clonidine hcl TABS	20
CIMDUO	29	clindamycin phosphate (topical) SOLN	35	clonidine PTWK	20
cimetidine TABS	60	clindamycin phosphate (topical) SWAB	36	clopidogrel bisulfate 300 MG	46
cinacalcet hcl	43	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clopidogrel bisulfate 75 MG	46
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ...	55			clorazepate dipotassium TABS	8
ciprofloxacin hcl (otic)	56	clindamycin phosphate vaginal CREA	63	clotrimazole (topical) CREA	36
ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG	44			clotrimazole (topical) SOLN	36
ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	44			clotrimazole	53

clotrimazole vaginal CREA 1 % ...63	disoproxil fumarate)29	microemulsion) SOLN 52
clotrimazole w/ betamethasone CREA36	CORDRAN TAPE39	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 52
clotrimazole w/ betamethasone LOTN36	CORTISPORIN-TC56	cyproheptadine hcl SYRP18
clozapine TABS28	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 37	cyproheptadine hcl TABS18
clozapine TBDP 100 MG 28	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ37	CYSTAGON CAPS 45
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ38	CYSTARAN 56
clozapine TBDP 25 MG28	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...38	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11
COARTEM 22	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .38	dactinomycin 25
codeine sulfate TABS 30 MG5	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..38	dalfampridine58
CODEINE SULFATE TABS5	CREON CPEP41	danazol CAPS7
colchicine TABS46	CRESEMBA CAPS 186 MG18	dantrolene sodium CAPS54
colchicine w/ probenecid45	cromolyn sodium (ophth)56	dapagliflozin propanediol16
colesevelam hcl PACK19	cromolyn sodium NEBU9	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG 14
colesevelam hcl TABS19	crotamiton LOTN41	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG14
colestipol hcl GRAN19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT 53	dapsone 21
colestipol hcl PACK19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML46	DAPTACEL59
colestipol hcl TABS 19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG 54	daptomycin 500 MG 21
COMBIVENT RESPIMAT AERS .. 10	cyclophosphamide CAPS23	darifenacin hydrobromide61
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT25	cyclophosphamide SOLR IJ 23	darunavir TABS 600 MG29
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT25	cycloserine 23	darunavir TABS 800 MG29
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT25	cyclosporine (ophth) EMUL55	dasatinib25
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML61	cyclosporine CAPS 52	DAURISMO 24
COMIRNATY SUSP61	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 52	decitabine 23
COMIRNATY SUSY61	cyclosporine modified (for	deferasirox PACK17
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine-rilpivirine-tenofovir		deferasirox TABS 17
		deferasirox TBSO17
		deflazacort TABS 34
		DELSTRIGO 29

demeclocycline hcl TABS59	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC34	EX37
DEPO-ESTRADIOL43	dexamethasone sodium phosphate (ophth)55	diclofenac sodium (ophth)56
DEPO-MEDROL SUSP34	dexamethasone SOLN34	diclofenac sodium (topical) GEL EX 37
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC34	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG34	diclofenac sodium TB244
DESCOVY 200 MG-25 MG29	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG34	diclofenac sodium TBEC4
desipramine hcl TABS14	dexlansoprazole60	diclofenac w/ misoprostol TBEC4
desloratadine TABS18	dexmethylphenidate hcl CP241	dicloxacillin sodium57
desloratadine TBDP 2.5 MG18	dexmethylphenidate hcl TABS1	dicyclomine hcl CAPS60
desmopressin acetate SOLN IJ ...43	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG1	dicyclomine hcl SOLN PO60
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA43	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	dicyclomine hcl TABS60
desmopressin acetate spray43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	DIFFERIN LOTN36
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %43	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 48
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 43	DIACOMIT CAPS 250 MG12	diflorasone diacetate CREA39
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 43	DIACOMIT CAPS 500 MG12	diflorasone diacetate OINT39
desogestrel & ethinyl estradiol33	DIACOMIT PACK 250 MG12	diflunisal TABS5
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)33	DIACOMIT PACK 500 MG12	difluprednate55
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)33	diazepam (anticonvulsant) GEL ...11	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML32
desonide CREA39	diazepam CONC8	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG32
desonide LOTN39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML50
desonide OINT39	diazepam TABS8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML50
desoximetasone CREA 0.25 %39	diazoxide15	DILANTIN (phenytoin sodium extended)13
desoximetasone GEL39	diclofenac epolamine PTCH EX ...37	DILANTIN13
desoximetasone OINT 0.25 %39	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)13
desvenlafaxine succinate14	diclofenac sodium (actinic keratoses)	DILANTIN SUSP (phenytoin)13
dexamethasone ELIX34		DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .13

diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	31	docusate sodium CAPS 100 MG .. 48	100 MG	59	
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	31	docusate sodium CAPS 250 MG .. 48	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	
diltiazem hcl CP12	31	dofetilide	9	dronabinol CAPS	17
diltiazem hcl CP24	31	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	57	drospirenone-ethinyl estradiol	33
diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	31	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	57	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	33
diltiazem hcl extended release beads 420 MG	31	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	57	DROXIA CAPS	46
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 57		DUAVEE	43
DILTIAZEM HCL SOLR	31	dorzolamide hcl	56	DULERA	10
diltiazem hcl TABS	31	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	55	duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl TB24	31	DOVATO	29	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 40	
dimethyl fumarate CDPK	58	doxazosin mesylate	20	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
dimethyl fumarate CPDR	58	doxepin hcl (antipruritic)	37	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 40	
DIPENTUM	44	doxepin hcl (sleep)	47	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxepin hcl CAPS	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	48
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl CONC	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	48
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	doxercalciferol CAPS	43	DUREX TROPICAL MISC	48
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxercalciferol SOLN	43	dutasteride	45
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	dutasteride-tamsulosin hcl	45
dipyridamole	46	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	59	econazole nitrate CREA	36
disopyramide phosphate CAPS	9	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	59	EDARBI	20
disulfiram	57	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	59	EDURANT	29
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	59	efavirenz CAPS 200 MG	29
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline hyclate CAPS	59	efavirenz CAPS 50 MG	29
docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxycycline hyclate TABS 20 MG,		efavirenz TABS	29
docusate calcium	48			efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29
				efavirenz-lamivudine-tenofovir	

disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	29	EPIDIOLEX	12
ELAPRASE	43	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinastine hcl (ophth)	56
electrolyte-148	51	EMTRIVA SOLN	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	64
electrolyte-a	51	EMVERM CHEW	8	eplerenone	21
ELESTRIN GEL	43	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		epoprostenol sodium	32
eletriptan hydrobromide	50	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		eptifibatide 200 MG/100ML	46
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	enalapril maleate TABS	19	EQL PRENATAL FORMULA TABS 53	
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 100 MG	27
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	11	ENBREL SOLN	4	EQUETRO 200 MG	27
ELIQUIS TABS	11	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO 300 MG	27
ELLA	34	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	ERBITUX	24
ELMIRON CAPS	45	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ergocalciferol CAPS	64
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	46	ENERGIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	62	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	64
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	46	ENERGIX-B SUSY	62	ergoloid mesylates TABS	58
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	50	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ERGOMAR SUBL	50
EMBECTA PEN NEEDLE NANO .50		enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	50
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	50	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	eribulin mesylate	26
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	50	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ERIVEDGE	24
EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERLEADA 240 MG	24
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 50		enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ERLEADA 60 MG	24
EMGALITY SOAJ	50	entacapone	27	erlotinib hcl	24
EMGALITY SOSY	50	entecavir TABS	30	ERTACZO	36
EMSAM	13			ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine CAPS	29			erythromycin (acne aid) PADS	36
emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29			erythromycin (acne aid) SOLN	36
				erythromycin (ophth)	55
				erythromycin base CPEP	48
				erythromycin base TABS	48
				erythromycin base TBEC	48

erythromycin ethylsuccinate SUSR 48	ETOPOPHOS26	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML9
erythromycin ethylsuccinate TABS 48	etoposide CAPS26	FASENRA SOSY 30 MG/ML9
escitalopram oxalate SOLN14	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML26	FC2 FEMALE CONDOM48
escitalopram oxalate TABS14	etravirine 100 MG29	febuxostat46
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG12	etravirine 200 MG29	felbamate SUSP13
esomeprazole magnesium CPDR 20 MG60	EUCRISA40	felbamate TABS 400 MG13
esomeprazole magnesium CPDR 40 MG60	EVAMIST SOLN44	felbamate TABS 600 MG13
esomeprazole magnesium TBEC .60	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG52	felodipine31
estazolam47	everolimus (immunosuppressant) 1 MG52	FEMCAP DEVI48
estradiol GEL44	everolimus TABS25	FEMLYV TBDP33
estradiol PTTW44	EVEXITHROID TABS 180 MG59	FEMRING64
estradiol PTWK44	EVOTAZ29	fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG19
estradiol TABS44	exemestane24	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG19
estradiol vaginal CREA64	ezetimibe19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG19
estradiol vaginal TABS64	ezetimibe-simvastatin18	fenoprofen calcium TABS4
estradiol valerate43	famciclovir 125 MG, 250 MG30	FENSOLVI (6 MONTH) SC43
estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG44	famciclovir 500 MG30	fentanyl citrate LPOP5
eszopiclone47	famotidine in nacl SOLN60	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR5
ethacrynic acid42	famotidine SUSR60	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML47
ethambutol hcl TABS23	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..60	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG47
ethosuximide CAPS13	FANAPT28	ferrous sulfate TBEC 325 MG47
ethosuximide SOLN13	FANAPT TITRATION PACK A28	fesoterodine fumarate61
ethynodiol diacet & eth estrad33	FANTASY LUBRICATED MISC ...48	FETZIMA CP2414
etodolac CAPS4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 48	FETZIMA TITRATION C4PK14
etodolac TABS4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)16	fidaxomicin TABS 200 MG48
etonogestrel-ethinyl estradiol34	FASENRA PEN SOAJ9	

finasteride	45	fluocinolone acetonide (otic)	56	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	9
fingolimod hcl	58	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 39		fluticasone furoate-vilanterol	10
FIRMAGON (240 MG DOSE)	24	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9
FIRMAGON 80 MG	24	fluocinolone acetonide OIL	39	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 54	
flavoxate hcl	61	fluocinolone acetonide OINT	39	fluticasone propionate CREA 0.05 % 39	
flecainide acetate	9	fluocinonide CREA 0.05 %	39	fluticasone propionate hfa	9
floxuridine	23	fluocinonide CREA 0.1 %	39	fluticasone propionate LOTN	39
FLUAD	62	fluocinonide emulsified base	39	fluticasone propionate OINT	39
FLUAD QUADRIVALENT	62	fluocinonide GEL	39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 62		fluocinonide OINT	39	fluticasone-salmeterol AERO	10
FLUARIX SUSY	62	fluocinonide SOLN	39	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	19
FLUBLOK QUADRIVALENT	62	fluorometholone (ophth) SUSP	55	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..	19
FLUBLOK SOSY	62	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	37	fluvoxamine maleate TABS	14
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	62	fluorouracil (topical) SOLN	37	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	62
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	62	fluorouracil 500 MG/10ML	23	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	62
FLUCELVAX SUSP	62	fluoxetine hcl CAPS	14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 62	
FLUCELVAX SUSY	62	fluoxetine hcl CPDR	14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 62	
fluconazole SUSR	18	fluoxetine hcl SOLN	14	FLUZONE SUSP	62
fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl TABS	14	FLUZONE SUSY	62
flucytosine	17	fluphenazine hcl CONC	28	FML FORTE SUSP	55
fludarabine phosphate SOLN	23	fluphenazine hcl ELIX	28	folic acid TABS	46
fludarabine phosphate SOLR	23	fluphenazine hcl SOLN	28	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	
fludrocortisone acetate TABS	35	fluphenazine hcl TABS	28		
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 62		flurandrenolide CREA	39		
FLULAVAL SUSY	62	flurandrenolide LOTN	39		
FLUMIST	62	flurazepam hcl	47		
FLUMIST QUADRIVALENT	62	flurbiprofen sodium	56		
flunisolide (nasal)	54	flurbiprofen TABS	4		

fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML, 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML	11	furosemide TABS	42	58		
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	41	FUZEON SOLR	29		GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..	23
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	41	gabapentin CAPS	12		GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine)	23
formoterol fumarate NEBU	10	gabapentin SOLN	12		glimepiride 1 MG, 2 MG	16
FOSAMAX PLUS D	42	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12			glimepiride 4 MG	16
fosamprenavir calcium TABS	29	galantamine hydrobromide CP24 ..	57		glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16
fosfomycin tromethamine	22	galantamine hydrobromide SOLN ..	57		glipizide TB24	16
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20	galantamine hydrobromide TABS ..	57		glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	14
fosinopril sodium	19	ganciclovir sodium SOLR	30		glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	14
fosphenytoin sodium	13	ganirelix acetate	42		GLUCAGEN DIAGNOSTIC	41
FRAGMIN SOSY	11	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	62		glucagon SOLR IJ 1 MG	15
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	49	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	62		glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	49	gatifloxacin (ophth)	55		glyburide TABS	16
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	49	gefitinib	24		glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..	49	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23		glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..	49	gemfibrozil TABS	19		glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	45
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	49	GENOTROPIN CART SC	43		glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 60	
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..	49	GENOTROPIN MINIRAPID PRSY	43		glycopyrrolate TABS 1 MG	60
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..	49	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2		glycopyrrolate TABS 2 MG	60
FREESTYLE LIBRE READER	50	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	55		GLYXAMBI	15
frovatriptan succinate	50	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	36		GNP PRENATAL TABS	53
FT PRENATAL TABS	53	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	36		GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	53
fulvestrant SOSY	24	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2		GOHIBIC	46
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML	42	GENVOYA	29		GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	41
		GILOTRIF	24		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
		glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML ..	58			
		glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML ..				

granisetron hcl TABS 17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 3	MG/15ML-7.5 MG/15ML 6
GRASTEK SUBL 2	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT 3	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML 6
griseofulvin microsize SUSP 18	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG 6
griseofulvin microsize TABS 18	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG 6
griseofulvin ultramicrosize 18	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG 6
guanfacine hcl (adhd) 1	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG 6
guanfacine hcl 20	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT 3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG 7
GYNAZOLE-1 63	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT 3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG 7
HAEGARDA SOLR SC 46	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC 16	hydrocortisone (intrarectal) 7
halcinonide CREA 39	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC 16	hydrocortisone (rectal) EX 7
halobetasol propionate CREA 39	HYCAMTIN CAPS 27	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % 39
halobetasol propionate OINT 39	hydralazine hcl SOLN 21	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40
HALOG OINT 39	hydralazine hcl TABS 21	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % 40
haloperidol decanoate 28	hydrochlorothiazide CAPS 42	hydrocortisone acetate (rectal) 8
haloperidol lactate CONC 28	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42	hydrocortisone butyrate CREA 40
haloperidol lactate SOLN 28	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 42	hydrocortisone butyrate OINT 40
haloperidol TABS 28	hydrocodone bitartrate CP12 5	hydrocortisone butyrate SOLN 40
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML 62	hydrocodone bitartrate T24A 5	hydrocortisone sod succinate 100 MG 34
HEMANGEOL SOLN PO 31	hydrocodone bitartrate-homatropine methylbromide TABS 35	hydrocortisone TABS 34
HEMATINIC/FOLIC ACID 47	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .35	hydrocortisone vaginal 64
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325	hydrocortisone valerate CREA 40
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11		hydrocortisone valerate OINT 40
HEPLISAV-B SOSY 62		hydrocortisone w/acetic acid 56
HIBERIX SOLR IJ 61		
HUMATROPE CART IJ 43		
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML 3		

hydromorphone hcl LIQD 5	idarubicin hcl 20 MG/20ML 25	INTELENCE 25 MG 29
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 25	IONOSOL-MB IN D5W 51
hydromorphone hcl TABS 5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML 23	IPOL IJ 63
hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	ifosfamide SOLR 23	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 54
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG 5	imatinib mesylate TABS 25	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 54
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	imipramine hcl TABS 14	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	imipramine pamoate 14	ipratropium-albuterol SOLN 10
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	imiquimod 5 % 40	irbesartan 20
hydroxyurea 26	IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML 50	irbesartan-hydrochlorothiazide 20
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML 50	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML 27
hydroxyzine hcl SYRP 8	INCRELEX 43	irrigation solutions, physiological .. 52
hydroxyzine hcl TABS 8	INCRUSE ELLIPTA 9	ISENTRESS CHEW 29
hydroxyzine pamoate CAPS 8	indapamide TABS 1.25 MG 42	ISENTRESS HD TABS 29
HYPERSAL NEBU 35	indapamide TABS 2.5 MG 42	ISENTRESS TABS 29
HYQVIA 57	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	ISOLYTE-P IN D5W 51
ibandronate sodium SOLN 42	indomethacin CPR 4	ISOLYTE-S 51
ibandronate sodium TABS 42	INFANRIX 60	isoniazid SOLN 23
IBRANCE CAPS 25	INFLECTRA SOLR 44	isoniazid SYRP 23
IBRANCE TABS 25	INLYTA 23	isoniazid TABS 23
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML 4	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG 8
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 4	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32
ibuprofen TABS 800 MG 4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN 16	isosorbide mononitrate TABS 8
icatibant acetate SOSY 46	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN 16	isosorbide mononitrate TB24 8
ICLUSIG 25	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN 16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 36
icosapent ethyl 1 GM 18	INSULIN LISPRO SOLN IJ 16	isradipine CAPS 31
		itraconazole CAPS 18

itraconazole SOLN	18	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 56	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 31
ivabradine hcl TABS	33	KEVZARA SOAJ	3
ivermectin (pediculicide)	41	KEVZARA SOSY	3
ivermectin	8	KIMONO COLORS DEVI	48
IXEMPRA KIT 15 MG	27	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	48
JAKAFI	25	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC . 48	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML
JANUMET TABS	15	KIMONO MISC	49
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	KIMONO PLUS MISC	48
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO PS MISC	48
JANUVIA	15	KIMONO PS PLUS MISC	48
JARDIANCE	16	KIMONO SENSATION MISC	48
JULUCA	29	KIMONO SENSATION PLUS MISC 48	lactated ringer's (irrigation)
JYNNEOS	63	KIMONO SPECIAL DEVI	48
KALETRA SOLN	29	KINRIX SUSY	60
KALYDECO TABS	59	KISQALI (200 MG DOSE)	25
KAMELEON LUBRICATED MISC .	48	KISQALI (400 MG DOSE)	25
KANJINTI	24	KISQALI (600 MG DOSE)	25
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	51	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) . 25	lactulose (encephalopathy)
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	51	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) . 25	lactulose SOLN
ketoconazole (topical) CREA	36	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) . 25	lactulose SOLN
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	36	KLOXXADO LIQD	17
ketoconazole	18	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABs	53
KETONE TEST STRP	41	KRINTAFEL	22
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KYPROLIS	25
ketorolac tromethamine (ophth) ...	56	labetalol hcl SOLN	31
ketorolac tromethamine TABS	4		
KETOSTIX STRP	41		
			lactulose SOLN
			lactic acid (ammonium lactate) CREA
			lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %
			lactulose (encephalopathy)
			lactulose SOLN
			lamivudine (hbv) TABS
			lamivudine SOLN
			lamivudine TABS 150 MG
			lamivudine TABS 300 MG
			lamivudine-zidovudine
			lamotrigine CHEW 25 MG
			lamotrigine CHEW 5 MG
			lamotrigine TABS
			lamotrigine TBDP
			LANOXIN SOLN IJ (digoxin)
			LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)
			lansoprazole CPDR 15 MG
			lansoprazole CPDR 30 MG
			lanthanum carbonate CHEW
			lapatinib ditosylate
			LASTACAFIT
			latanoprost SOLN
			leflunomide

LEMTRADA 58	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	LINZESS 45
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 52	levofloxacin (ophth) 0.5 % 55	liothyronine sodium SOLN 59
lenalidomide 20 MG 52	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 44	liothyronine sodium TABS 59
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) . 23	levofloxacin SOLN PO 44	liraglutide 15
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) . 23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 44	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) . 23	levofloxacin TABS 500 MG 44	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) . 24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 33	lisinopril & hydrochlorothiazide 20
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) . 24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 19
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) . 24	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) 33	lithium 27
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) .. 24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG 33	lithium carbonate CAPS 27
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) .. 24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 33	lithium carbonate TABS 27
letrozole 24	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 33	lithium carbonate TBCR 27
leucovorin calcium SOLR 26	levorphanol tartrate TABS 2 MG ... 5	LO LOESTRIN FE TABS 33
leucovorin calcium TABS 26	levothyroxine sodium TABS 59	lofexidine hcl 57
LEUKERAN 23	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 53	LOKELMA 52
LEUKINE SOLR IJ 46	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 53	lomustine 10 MG 23
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML 24	lidocaine hcl GEL 2 % 40	lomustine 40 MG, 100 MG 23
levalbuterol hcl 10	lidocaine hcl PRSY 40	loperamide hcl CAPS 16
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML 10	lidocaine hcl SOLN 40	lopinavir-ritonavir SOLN 29
levalbuterol tartrate 10	lidocaine PTCH 5 % 40	lopinavir-ritonavir TABS 29
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine-prilocaine CREA 40	LOQTORZI 24
levetiracetam TABS 1000 MG 12	lincomycin hcl 21	loratadine CAPS 18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	linezolid SUSR 22	loratadine CHEW 18
levetiracetam TABS 500 MG 12	linezolid TABS 22	loratadine SOLN 18
levetiracetam TB24 12		loratadine TABS 18
levobunolol hcl 0.5 % 55		loratadine TBDP 18
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lorazepam CONC 8
		lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8
		lorazepam TABS 1 MG 8

LORBRENA	26	maraviroc TABS 300 MG	29	memantine hcl TABS	58
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	MARPLAN	13	MENACTRA	61
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		MASONATAL TABS	53	MENEST 2.5 MG	44
losartan potassium	20	MATRONEX TABS	53	MENOSTAR PTWK	44
LOTEMAX OINT	55	MATULANE	26	MENQUADFI 0.5 ML	61
loteprednol etabonate GEL	55	MAXIDEX SUSP OP	56	MENVEO SOLR	61
loteprednol etabonate SUSP	56	MAXX MISC	49	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	MAXX PLUS MISC	49	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5
lovastatin TABS 40 MG	19	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17	meperidine hcl TABS 50 MG	5
loxapine succinate	28	meclizine hcl TABS 25 MG	17	meprobamate	8
lubiprostone	44	meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptopurine TABS	23
luliconazole	37	MEDROL TABS	34	mesalamine CP24	44
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	26	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	34	mesalamine CPDR	44
LUMAKRAS 320 MG	26	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	34	mesalamine ENEM	44
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	24	medroxyprogesterone acetate 10 MG	57	mesalamine SUPP	44
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	24	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	57	mesalamine TBEC 1.2 GM	44
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	24	mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 800 MG	44
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	24	mefloquine hcl	22	metaxalone 800 MG	54
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	28	megestrol acetate (appetite)	57	metformin hcl TABS 1000 MG	15
lurasidone hcl 80 MG	28	megestrol acetate SUSP	24	metformin hcl TABS 500 MG	15
LYNPARZA TABS	26	megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 850 MG	15
LYSODREN	24	MEKINIST TABS 0.5 MG	26	metformin hcl TB24 500 MG	15
mafenide acetate PACK	38	MEKINIST TABS 2 MG	26	metformin hcl TB24 750 MG	15
malathion	41	meloxicam TABS	4	methadone hcl CONC	5
maraviroc TABS 150 MG	29	melphalan	23	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)	5
		melphalan hcl IV	23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .	5
		memantine hcl TABS	57	methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML	5

methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	MG, 100 MG 31
methadone hcl TABS 10 MG5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) CREA 40
methadone hcl TABS 5 MG5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41
methadone hcl TBSO 5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 41
methamphetamine hcl1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 41
methazolamide TABS 41	methylphenidate PTCH 2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21
methenamine hippurate22	methylprednisolone acetate SUSP 34	metronidazole vaginal64
methimazole TABS 59	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 34	mexiletine hcl9
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 54	methylprednisolone TABS 34	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 64
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML23	methylprednisolone TBPK 34	midodrine hcl64
methotrexate sodium SOLR23	methyltestosterone TABS7	miglitol14
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 44	miglustat46
methoxsalen rapid38	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML44	minocycline hcl CAPS 59
methscopolamine bromide60	metoclopramide hcl TABS44	minocycline hcl TABS59
methsuximide13	metolazone42	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21
methyldopa TABS20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	mirabegron TB24 61
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG20	MIRCERA 46
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1	metoprolol succinate TB24 200 MG 31	mirtazapine TABS13
methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG31	mirtazapine TBDP13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG 1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML31	misoprostol60
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50	mitomycin SOLR IV 20 MG25
methylphenidate hcl CP24 1		mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 25
methylphenidate hcl CPR 2		M-M-R II SOLR 63
methylphenidate hcl SOLN2		M-NATAL PLUS TABS53
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG2		MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 63
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2		modafinil 100 MG 2
		modafinil 200 MG 2

MODERNA COVID-19 BIVALENT 63	MRESVIA63	nebivolol hcl 20 MG31
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP63	MULTI PRENATAL TABS 53	NEBUSAL NEBU 35
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY63	mupirocin OINT 36	nefazodone hcl 14
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP63	MVASI24	nelarabine 23
moexipril hcl 19	MYALEPT 43	neomycin sulfate TABS 2
mometasone furoate (nasal) SUSP 54	mycophenolate mofetil CAPS52	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 55
mometasone furoate CREA 40	mycophenolate mofetil TABS52	neomycin-polymy-dexameth OINT 56
mometasone furoate OINT 40	mycophenolate sodium52	neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %56
mometasone furoate SOLN 40	MYLERAN TABS 23	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...56
montelukast sodium CHEW9	nabumetone 4	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 56
montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 20 MG 31	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 56
montelukast sodium TABS9	nadolol TABS 40 MG 31	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG 53
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG6	nadolol TABS 80 MG 31	NEONATAL PLUS TABS53
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML 6	naftilline sodium IV 10 GM57	NEONATAL PRENATAL TABS ...53
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML 6	naftifine hcl CREA 1 %37	NEONATAL VITAMIN TABS 53
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML 6	naftifine hcl CREA 2 %37	neostigmine methylsulfate SOSY .22
morphine sulfate TABS 6	naloxone hcl LIQD 17	NEO-SYNALAR36
morphine sulfate TBCR 6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEUPRO27
MOTOFEN 16	naltrexone hcl 17	NEVANAC56
MOVANTIK45	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	nevirapine SUSP29
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 55	naproxen SUSP4	nevirapine TABS29
moxifloxacin hcl in sodium chloride 44	naproxen TABS 4	nevirapine TB24 400 MG 29
moxifloxacin hcl TABS44	naproxen TBEC 500 MG4	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG60
	naratriptan hcl 51	NEXTSTELLIS 33
	NATACYN55	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19
	NATAZIA 33	
	nateglinide16	
	NAYZILAM 11	
	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	

niacin CPCR 250 MG, 500 MG64	nitrofurantoin monohyd macro22	norgestimate-ethinyl estradiol34
NIACIN ER TBCR64	nitroglycerin (intra-anal)8	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG34
niacin TABS64	nitroglycerin CPCR8	NORMOSOL-M IN D5W51
niacin TBCR64	nitroglycerin PT248	NORMOSOL-R PH 7.451
niacinamide TABS 100 MG64	NITROGLYCERIN SOLN IV8	nortriptyline hcl CAPS14
niacinamide TABS 500 MG64	nitroglycerin SUBL8	nortriptyline hcl SOLN14
nicardipine hcl CAPS31	NIVA-PLUS TABS53	NORVIR CAPS29
nicardipine hcl SOLN31	nizatidine CAPS60	NORVIR PACK29
NICOTINE KIT58	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML43	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 41
nicotine polacrilex GUM58	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML43	NOVAREL IM 10000 UNIT42
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR58	norelgestromin-ethinyl estradiol ...34	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP63
NICOTROL INHA58	norethin acet & estrad-fe CAPS ...34	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY63
NICOTROL NS SOLN58	norethin acet & estrad-fe CHEW ...34	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16
nifedipine CAPS 10 MG31	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG34	NOVOLIN 70/30 SUSP16
nifedipine CAPS 20 MG31	norethindrone & eth estradiol34	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN16
nifedipine TB24 30 MG31	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 34	NOVOLIN N SUSP16
nifedipine TB24 60 MG31	norethindrone (contraceptive)34	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..16
nifedipine TB24 90 MG31	norethindrone acet & eth estra TABS 34	NOVOLIN R SOLN IJ16
nifedipine TB2431	norethindrone acetate TABS57	NOVOLOG FLEXPEN SOPN16
nilutamide25	norethindrone acetate-ethinyl estradiol43	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN16
nimodipine CAPS31	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe34	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP16
NIPENT26	norethindrone-eth estradiol (triphasic)34	NOVOLOG PENFILL SOCT16
nisoldipine31	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)34	NOVOLOG SOLN IJ16
nitazoxanide TABS21		NP THYROID TABS59
nitisinone CAPS43		NUBEQA25
NITRO-BID OINT8		NUEDEXTA58
nitrofurantoin22		NUVAXOVID COVID-19 VACCINE
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG22		

SUSY 5 MCG/0.5ML	63	olopatadine hcl 0.2 %	56	orphenadrine w/ aspirin & caff 385 MG-30 MG-25 MG	54
nystatin (mouth-throat)	53	omega-3-acid ethyl esters	18	oseltamivir phosphate CAPS	30
nystatin (topical) CREA	37	omeprazole CPDR	60	oseltamivir phosphate SUSR	30
nystatin (topical) OINT	37	omeprazole magnesium CPDR ...	60	OSPHENA	43
nystatin (topical) POWD EX	37	omeprazole TBEC	60	OTEZLA TABS	4
nystatin TABS	18	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	61	OTEZLA TBPK	4
nystatin-triamcinolone CREA	37	OMNIFLEX DIAPHRAGM	49	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4
nystatin-triamcinolone OINT	37	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4
NYVEPRIA	46	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	oxacillin sodium IV 10 GM	57
octreotide acetate SOLN	43	ondansetron hcl SOSY	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
ODEFSEY	29	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaprozin TABS	4
ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxazepam CAPS	8
OFEV	59	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (ophth)	55	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin (otic)	56	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 53		oxiconazole nitrate CREA	37
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS TABS	53	OXISTAT LOTN	37
olanzapine SOLR	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	50	oxybutynin chloride SOLN	61
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	28	OPILL	34	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	61
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	OPVEE NA	17	oxybutynin chloride TB24	61
olanzapine TBDP 20 MG	28	ORENITRAM TBCR	32	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	ORGOVYX	25	oxycodone hcl TABS	6
olmesartan medoxomil	20	ORILISSA	42	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI PACK	59	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	59	oxymorphone hcl TABS	6
olopatadine hcl (nasal)	54	ORLADEYO	46		
olopatadine hcl 0.1 %	56	orphenadrine citrate TB12	54		

oxymorphone hcl TB12 40 MG6	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR47	permethrin CREA 41
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride47	permethrin LIQD EX 41
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN 15	PEGASYS SOLN 30	perphenazine TABS 28
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML15	PEGASYS SOSY30	perphenazine-amitriptyline58
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...15	PEG-PREP47	PERSERIS PRSY28
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML27	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 63
paclitaxel protein-bound particles .27	PENBRAYA61	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP63
paliperidone28	penciclovir38	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP63
palonosetron hcl SOLN17	penicillamine CAPS52	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP 63
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML42	penicillamine TABS52	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP63
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 42	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .57	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG45
PANRETIN37	penicillin g potassium 5000000 UNIT 57	phendimetrazine tartrate TABS 1
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 60	penicillin g sodium57	phenelzine sulfate13
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 60	penicillin v potassium SOLR57	phenobarbital ELIX47
paricalcitol CAPS43	penicillin v potassium TABS57	phenobarbital TABS47
paricalcitol SOLN43	PENMENVY SUSR IM61	phenoxybenzamine hcl19
paroxetine hcl SUSP14	PENTACEL60	phentermine hcl CAPS1
paroxetine hcl TABS14	pentamidine isethionate IN21	phenytoin CHEW13
paroxetine hcl TB2414	pentazocine w/ naloxone hcl7	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13
pazopanib hcl26	pentoxifylline46	phenytoin sodium SOLN13
PEDIARIX SUSY60	perampanel TABS 2 MG11	phenytoin SUSP 13
pediatric multivitamins w/fl CHEW .53	perampanel TABS 4 MG11	PHEXX64
PEDVAX HIB SUSP61	perampanel TABS 6 MG11	PHEXXI64
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid47	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG 11	PHOTOFRIN26
	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .19	PIFELTRO29
	perindopril erbumine 4 MG 19	

pilocarpine hcl (oral)	53	posaconazole SUSP	18	prasugrel hcl	46
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 55		potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 52		pravastatin sodium	19
pimecrolimus	40	potassium bicarbonate TBEF	52	praziquantel	8
pimozide	58	potassium chloride CPCR	52	prazosin hcl CAPS	20
pindolol TABS	31	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	51	PRECISION XTRA KETONE	41
pioglitazone hcl	16	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	51	PRED MILD	56
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride microencapsulated crystals er	52	prednisolone acetate (ophth)	56
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride PACK PO 20 MEQ	52	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	56
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .26		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 52		prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	35
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .26		potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	52	prednisolone sodium phosphate TBDP	35
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .26		potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	52	prednisolone SOLN	35
pirfenidone CAPS	59	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 45		prednisolone TABS	35
pirfenidone TABS 534 MG	59	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	52	prednisone SOLN	35
piroxicam CAPS	4	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	36	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	51	pralatrexate 20 MG/ML	23	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) .51		pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	prednisone TBPK	35
PLEGRIDY SOAJ	58	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	27	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	58
PLEGRIDY SOSY SC	58			pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	58
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 58				pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	58			pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12
PLENVU	47			pregabalin SOLN	12
PNEUMOVAX 23 SOLN	61			PREHEVBRIO	63
PNEUMOVAX 23 SOSY	61			PREMARIN	64
podofilox SOLN	40			PREMARIN SOLR	44
polymyxin b-trimethoprim	55			PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG,	
POMALYST	25				

0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	44	probenecid	46	pyridostigmine bromide SOLN PO ..	22
PREMPHASE	43	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9		pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22
PREMPRO	43	prochlorperazine	28	pyridostigmine bromide TBCR	22
PRENATAL ONE DAILY TABS	53	prochlorperazine maleate TABS ...	28	pyrimethamine	22
PRENATAL PLUS TABS	53	progesterone CAPS	57	PYZCHIVA 130 MG/26ML	44
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	53	PROGRAF PACK	52	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	38
PRENATAL TABS	54	PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	52	PYZCHIVA 90 MG/ML	38
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	54	PROLASTIN-C SOLN	59	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	38
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	54	PROLASTIN-C SOLR	59	QC PRENATAL TABS	54
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	54	PROLEUKIN	26	QUADRACEL SUSP	60
PRENATRIX TABS	54	PROLIA SOSY	42	QUADRACEL SUSY	60
PRENATRYL TABS	54	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	28
PREVNAR 13	61	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quetiapine fumarate TB24	28
PREVNAR 20	61	promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19
PREZCOBIX	29	propafenone hcl CP12	9	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19
PREZISTA SUSP	29	propafenone hcl TABS	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29	proparacaine hcl	55	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20
PRIFTIN	23	propranolol hcl CP24	31	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20
primaquine phosphate TABS	22	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	31	quinidine sulfate TABS	9
PRIMIDONE 50 MG, 250 MG	12	propranolol hcl TABS	31	quinine sulfate CAPS 324 MG	22
PRIORIX SUSR	63	propylthiouracil	59	QVAR REDHALER	10
		PROQUAD SUSR	63	rabeprazole sodium TBEC	60
		protriptyline hcl	14	raloxifene hcl	43
		prucalopride succinate	44	ramelteon	47
		PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	ramipril CAPS	19
		PULMOZYME	59	ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG	
		pyrazinamide	23		

.....60	REXULTI	28	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	51		
ranolazine TB12 1000 MG	8	REZVOGLAR KWIKPEN	16	roflumilast	9	
ranolazine TB12 500 MG	8	ribavirin (hepatitis c) CAPS	30	romidepsin SOLR	26	
rasagiline mesylate	27	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	30	ropinirole hydrochloride TABS	27	
REALITY LATEX CONDOMS MISC .	49	RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,	4 MG, 6 MG	27
REALITY LATEX/ULTRA		rifabutin	23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	12 MG	27
TEXTURED DEVI	49	rifampin CAPS	23	rosuvastatin calcium TABS	19	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	49	rifampin SOLR	23	ROTARIX SUSP	63	
REBIF REBIDOSE SOAJ	58	riluzole TABS	55	ROTATEQ SOLN	63	
REBIF REBIDOSE TITRATION		rimantadine hydrochloride TABS ..	30	ROZLYTREK CAPS	26	
PACK SOAJ	58	ringer's	51	RUBRACA	26	
REBIF SOSY	58	ringer's irrigation	52	rufinamide SUSP	12	
REBIF TITRATION PACK SOSY ..	58	RINVOQ LQ SOLN	2	rufinamide TABS 200 MG	13	
RECOMBIVAX HB SUSP	63	RINVOQ TB24	2	rufinamide TABS 400 MG	13	
RECOMBIVAX HB SUSY	63	risedronate sodium TABS 150 MG	42	RUXIENCE	24	
RELENZA DISKHALER	30	risedronate sodium TABS 35 MG .	42	RYBELSUS TABS	15	
RELION KETONE TEST STRP ...	41	risedronate sodium TABS 5 MG, 30	MG	sacubitril-valsartan TABS	32	
RELION LANCET DEVICES 30G .	50	risedronate sodium TBEC	42	salsalate	5	
RELION LANCETS	50	risperidone microspheres	28	SANTYL OINT	40	
RELION TRUE METRIX TEST		risperidone SOLN	28	SAVELLA TABS	58	
STRIPS STRP	41	risperidone TABS	28	SAVELLA TITRATION PACK MISC	58	
RENFLEXIS	44	risperidone TBDP	28	saxagliptin hcl	15	
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	ritonavir TABS	30	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-	2.5 MG	15
repaglinide 2 MG	16	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	11	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5	MG, 500 MG-5 MG	15
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		rivaroxaban TABS 2.5 MG	11	scopolamine	17	
SOCT	19	rivastigmine tartrate CAPS	58	SELECT INSULIN SYRINGES ...	50	
REPATHA SOSY	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .	51	SELECT LANCETS	50	
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	51			
RETACRIT	46	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .	51			
RETROVIR SOLN	30					

selegiline hcl CAPS	27	SKYRIZI SOLN	45	sotalol hcl TABS 240 MG	31
selegiline hcl TABS	27	SKYRIZI SOSY	38	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31
selenium sulfide LOTN 2.5 %	38	SLYND	34	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	63
SELZENTRY SOLN	30	SM PRENATAL VITAMINS TABS	54	SPIKEVAX SUSP	63
SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	51	SPIKEVAX SUSY	63
sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	51	spinosad	41
sertraline hcl TABS	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	45	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9
sevelamer carbonate PACK	45	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35	spironolactone & hydrochlorothiazide	41
sevelamer carbonate TABS	45	sodium citrate & citric acid	45	spironolactone TABS	42
SHINGRIX	63	sodium fluoride CHEW	52	SPRAVATO (56 MG DOSE)	14
SIGNIFOR	43	sodium phenylbutyrate POWD	43	SPRAVATO (84 MG DOSE)	14
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	32	sodium phenylbutyrate TABS	43	stannous fluoride CONC	53
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	32	sodium polystyrene sulfonate POWD 53		STELARA 130 MG/26ML	45
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	32	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	53	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38
sildenafil citrate	32	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	47	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38
silodosin	45	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	30	STELARA SOSY 90 MG/ML	38
silver sulfadiazine	38	solifenacin succinate TABS	61	STEQUEYMA	45
SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3	SOLQUA	15	STEQUEYMA 45 MG/0.5ML	38
SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3	SOLU-CORTEF 250 MG	35	STEQUEYMA 90 MG/ML	38
SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 35		STIOLTO RESPIMAT	10
SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3	SOLU-MEDROL 2 GM	35	STIVARGA	26
SIMPONI ARIA SOLN	3	sorafenib tosylate	26	streptomycin sulfate SOLR	2
SIMULECT	52	SORBITOL 3 %	45	STRIBILD	30
simvastatin TABS	19	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	45	STRIVERDI RESPIMAT	10
sirolimus TABS	52	sotalol hcl (afib/af)	31	SUBLOCADE SOSY 100 MG/0.5ML . 7	
SIRTURO	23			SUBLOCADE SOSY 300 MG/1.5ML . 7	
SKYRIZI PEN SOAJ	38			sucralfate SUSP	60
SKYRIZI SOCT	44				

sucralfate TABS	60	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tavaborole	37
SUFLAVE	47	sunitinib malate 37.5 MG	26	tazarotene CREA 0.1 %	38
sulconazole nitrate CREA	37	SUNOSI 150 MG	1	TAZVERIK	26
sulconazole nitrate SOLN	37	SUNOSI 75 MG	1	TDVAX SUSP	60
sulfacetamide sodium (acne)	36	SUTAB	47	TEFLARO	33
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	55	SYMTUZA	30	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	13
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	36	SYNAREL	43	TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	13
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	36	SYNJARDY TABS	15	telmisartan	20
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	telmisartan-amlodipine	20
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	56	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	20
sulfadiazine TABS	59	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	59	temazepam 15 MG, 30 MG	47
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABLOID	23	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	47
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus (topical) OINT	40	TEMODAR SOLR	23
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus CAPS	52	temozolomide CAPS	23
SULFAMYLON CREA	38	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	52	temsirolimus	26
sulfasalazine TABS	45	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	32	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	60
sulfasalazine TBEC	45	tadalafil 5 MG	32	tenofovir disoproxil fumarate TABS	30
sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	26	terazosin hcl	20
sumatriptan	51	tafluprost	56	terbinafine hcl TABS	18
sumatriptan succinate SOAJ	51	TAGRISSO 40 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate SOCT	51	TAGRISSO 80 MG	24	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	51	TAKHZYRO SOLN	46	terconazole vaginal CREA	64
sumatriptan succinate TABS	51	TAKHZYRO SOSY	46	terconazole vaginal SUPP	64
sumatriptan-naproxen sodium	50	TALZENNA	26	teriflunomide	58
		tamoxifen citrate TABS	25	teriparatide SOPN	42
		tamsulosin hcl	45	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
				testosterone cypionate SOLN IM ...	7

testosterone enanthate SOLN IM ...7	tobramycin-dexamethasone SUSP 56	tranexamic acid TABS47
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS		tranylcypromine sulfate13
TD SUSP60	TODAY SPONGE MISC63	travoprost SOLN56
tetrabenazine58	tolcapone27	TRAZIMERA24
tetracycline hcl CAPS59	tolmetin sodium CAPS4	trazodone hcl TABS14
THALOMID52	tolmetin sodium TABS 600 MG4	TRELEGY ELLIPTA10
theophylline ELIX10	TOLSURA CAPS18	TRELSTAR MIXJECT25
theophylline SOLN10	tolterodine tartrate CP2461	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC
theophylline TB1210	tolterodine tartrate TABS61	100 MG/ML38
theophylline TB2411	tolvaptan TABS43	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML
THERANATAL CORE NUTRITION	topiramate CPSP 15 MG13	38
TABS54	topiramate CPSP 25 MG13	TREMFYA PEN SOAJ SC 200
thioridazine hcl28	topiramate CS2413	MG/2ML45
thiotepa 15 MG23	topiramate TABS 200 MG13	TREMFYA SOLN IV45
thiothixene28	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML38
THYMOGLOBULIN52	topiramate TABS 50 MG13	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML
THYROGEN 0.9 MG41	topotecan hcl SOLR27	45
tiagabine hcl13	toremifene citrate25	TREMFYA-CD/UC INDUCTION
ticagrelor 60 MG, 90 MG46	torsemide TABS42	SOAJ SC 200 MG/2ML45
timolol maleate (ophth) SOLG55	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	treprostinil SOLN IJ32
timolol maleate (ophth) SOLN55	32	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN16
timolol maleate TABS31	tramadol hcl TABS 50 MG6	TRESIBA SOLN16
tinidazole21	tramadol hcl TB246	tretinoin (chemotherapy)26
tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	tramadol-acetaminophen7	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1
.....9	trandolapril 1 MG, 2 MG19	%36
TIVICAY PD TBSO30	trandolapril 4 MG19	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %36
TIVICAY TABS 50 MG30	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	tretinoin microsphere 0.1 %36
tizanidine hcl CAPS54	MG, 240 MG-1 MG21	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10
tizanidine hcl TABS54	MG, 240 MG-4 MG21	MG, 15 MG23
tobramycin (ophth) SOLN55	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	triamcinolone acetoneide (mouth) ..53
tobramycin NEBU2	MG, 240 MG-4 MG21	triamcinolone acetoneide (nasal)
	tranexamic acid SOLN 1000	AERO54
	MG/10ML47	triamcinolone acetoneide (topical)

CREA 0.025 %40	trimipramine maleate CAPS 14	MISC 49
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %40	TRINTELLIX14	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC 49
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %40	TRIUMEQ PD TBSO30	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...49
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %40	TRIUMEQ TABS30	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 49
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %40	TROJAN BARESKIN DEVI 49	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC 49
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %40	TROJAN MAGNUM MISC49	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC 49
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %40	TROJAN ULTRA THIN MISC49	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 49
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML 35	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC 49	TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC 49
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG42	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 49	TRUXIMA 24
triamterene & hydrochlorothiazide TABS42	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 49	TUKYSA 24
triamterene CAPS42	tropicamide SOLN 0.5 % 55	TURALIO 125 MG 26
triazolam47	tropicamide SOLN 1 % 55	TWINRIX SUSY 63
TRICARE TABS 54	trospium chloride CP24 61	TWIRLA 34
trientine hcl 250 MG 52	trospium chloride TABS 61	TYBLUME CHEW 34
trifluoperazine hcl TABS 28	TRUE COVER DEVI49	TYBOST30
trifluridine 55	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP 41	TYMLOS 42
trihexyphenidyl hcl SOLN27	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ... 50	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ... 32
trihexyphenidyl hcl TABS 27	TRULANCE 44	TYVASO SOLN IN 32
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG . 15	TRULICITY 16	TYVASO STARTER KIT SOLN IN 32
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG 15	TRUMENBA 0.5 ML 61	UBRELVY 100 MG 50
TRIKAFTA TBPK 59	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC 49	UBRELVY 50 MG 50
trimethobenzamide hcl CAPS 17	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDD ED MISC 49	UDENYCA ONBODY SOSY 47
trimethoprim TABS21	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC 49	UDENYCA SOAJ 47
	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC 49	UDENYCA SOSY 47
	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE	umeclidinium-vilanterol 10

UPTRAVI TABS 200 MCG32	VARIVAX SUSR 63	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT 64
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 32	VARUBI (180 MG DOSE) TBPk ...17	VITATHELY WITH GINGER TABS 54
UPTRAVI TITRATION TBPk32	VAXELIS SUSP60	VITRAKVI CAPS26
ursodiol CAPS 44	VAXELIS SUSY60	VITRAKVI SOLN26
ursodiol TABS44	VAXNEUVANCE 61	VIVITROL17
UVADEX26	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM63	VIZIMPRO24
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG25	VECAMEYL21	VORAXAZE 26
valacyclovir hcl 1 GM 30	VECTIBIX 100 MG/5ML 24	voriconazole TABS18
valacyclovir hcl 500 MG30	venlafaxine hcl CP24 14	VOSEVI 30
valganciclovir hcl TABS30	venlafaxine hcl TABS 14	warfarin sodium TABS11
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML 13	venlafaxine hcl TB2414	water for irrigation, sterile 52
valproic acid CAPS 13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG 32	WESTAB PLUS TABS54
valrubicin25	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG 32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60 49
valsartan TABS20	verapamil hcl TABS32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65 49
valsartan-hydrochlorothiazide21	verapamil hcl TBCR32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70 49
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD12	VEREGEN36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75 49
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML12	VERZENIO26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80 49
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML12	vigabatrin PACK 13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85 49
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 12	vigabatrin TABS13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90 49
vancomycin hcl CAPS21	vilazodone hcl TABS14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95 49
vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .21	vincristine sulfate27	XALKORI CAPS 26
VAQTA 63	vinorelbine tartrate 10 MG/ML27	XARELTO STARTER PACK TBPk 11
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML63	VIRACEPT TABS 250 MG30	XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban)11
varenicline tartrate TABS 58	VIRACEPT TABS 625 MG30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG .. 11
varenicline tartrate TBPk58	VIREAD POWD30	XARELTO TABS 15 MG11
	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG30	XELJANZ SOLN 2
	VISTOGARD 17	XELJANZ TABS 10 MG2
		XELJANZ TABS 5 MG2

XELJANZ XR TB24	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolpidem tartrate TABS	47
XEOMIN	55	ZANOSAR	23	zolpidem tartrate TBCR	47
XHANCE EXHU	54	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zonisamide CAPS	13
XIFAXAN 200 MG	21	ZARXIO	47	ZONTIVITY	46
XIFAXAN 550 MG	21	ZEJULA TABS	26	ZUBSOLV SUBL 0.18 MG-0.7 MG, 0.36 MG-1.4 MG, 1.4 MG-5.7 MG, 2.1 MG-8.6 MG, 2.9 MG-11.4 MG ..	7
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	ZELBORAF	26	ZUBSOLV SUBL 0.71 MG-2.9 MG .	7
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	41	ZYDELIG	26
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	41		
XOSPATA	26	zidovudine CAPS	30		
XTANDI CAPS	25	zidovudine SYRP	30		
XTANDI TABS 40 MG	25	zidovudine TABS	30		
XTANDI TABS 80 MG	25	zileuton TB12	9		
XULTOPHY	15	ZIMHI SOSY	17		
XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	18	ziprasidone hcl	28		
YERVOY	24	ZIRABEV	24		
YESINTEK 130 MG/26ML	45	ZIRGAN GEL	55		
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	38	ZOLADEX 10.8 MG	25		
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	38	ZOLADEX 3.6 MG	25		
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38	zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 42			
YONSA	25	ZOLINZA	26		
YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3	zolmitriptan SOLN	51		
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3	zolmitriptan TABS	51		
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3	zolmitriptan TBDP	51		
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3				
zafirlukast	9				
zaleplon 10 MG	47				
zaleplon 5 MG	47				

Ambetter from WellCare of Kentucky is underwritten by WellCare Health Plans of Kentucky, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Kentucky Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 WellCare Health Plans of Kentucky, Inc., AmbetterHealth.com/en/ky. For information on your right to receive an Ambetter from WellCare of Kentucky plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from WellCare of Kentucky được bảo lãnh bởi WellCare Health Plans of Kentucky, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Kentucky. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 WellCare Health Plans of Kentucky, Inc., AmbetterHealth.com/en/ky. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from WellCare of Kentucky mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.